

Số: 48 /KH-UBND

Tây Ninh, ngày 11 tháng 01 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và cập nhật văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và cập nhật văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

a) Bảo đảm triển khai kịp thời, hiệu quả, thống nhất nhiệm vụ kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp năm 2019 trên địa bàn tỉnh;

b) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); kịp thời phát hiện những nội dung trái pháp luật, không bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, qua đó kiến nghị các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong công tác kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp thuộc trách nhiệm của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp mình.

2. Yêu cầu

Công tác kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp phải được tiến hành thường xuyên, kịp thời, đúng trình tự theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và bảo đảm có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong kiểm tra, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

II. Nội dung

1. Công tác kiểm tra, tự kiểm tra, xử lý văn bản

a) Kiểm tra thường xuyên

- Tự kiểm tra:

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành trong năm 2019 ngay sau khi văn bản được thông qua hoặc ban hành, khi nhận được thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản hoặc yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức và các phương tiện thông tin đại chúng.

Giám đốc Sở Tư pháp là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Trưởng Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân cấp huyện giúp Hội đồng nhân dân cấp mình tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân cấp mình ban hành; Trưởng Phòng Tư pháp cấp huyện là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch là đầu mối giúp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

- Kiểm tra theo thẩm quyền:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành trong năm 2019.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm 2019.

Giám đốc Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

Trưởng Phòng Tư pháp cấp huyện tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

b) Kiểm tra theo địa bàn

- Ngoài việc kiểm tra thường xuyên trong năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra theo địa bàn tại các huyện khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, ảnh hưởng lớn đến kinh tế - xã hội.

Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch kiểm tra theo địa bàn và Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra văn bản theo địa bàn tại cơ quan ban hành văn bản.

- Đối với cấp huyện việc kiểm tra theo địa bàn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

c) Đối tượng, nội dung tự kiểm tra, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân

- Đối tượng kiểm tra:

Quyết định QPPL của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong năm 2019;

Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành trong năm 2019;

Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm 2019;

Các văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có hình thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người không có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh ban hành.

- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra thẩm quyền ban hành văn bản gồm thẩm quyền về hình thức và thẩm quyền về nội dung;

Kiểm tra nội dung của văn bản;

Kiểm tra về căn cứ ban hành; thể thức, kỹ thuật trình bày; trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản;

- Văn bản được xử lý:

Văn bản trái pháp luật gồm văn bản ban hành không đúng thẩm quyền; văn bản có nội dung trái với Hiến pháp, trái với văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn; văn bản vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành;

Văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày;

Văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có hình thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người không có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh ban hành.-

- Xử lý văn bản trái pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 112 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

d) Trách nhiệm gửi văn bản đến cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

Trong thời hạn chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện và Quyết định của Ủy ban nhân dân

huyện) phải gửi văn bản đến cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản (Sở Tư pháp) để thực hiện việc kiểm tra theo quy định.

2. Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật

a) Đối với cấp tỉnh:

- Nội dung thực hiện:

Tiến hành rà soát các văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc rà soát theo chuyên đề, địa bàn, lĩnh vực theo yêu cầu của Bộ, ngành Trung ương và của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Qua đó đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xử lý các văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân ban hành) không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

Công bố danh mục những văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc tra cứu, áp dụng.

- Trách nhiệm thực hiện:

Các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm kịp thời thực hiện việc rà soát tất cả các văn bản QPPL do cơ quan mình tham mưu ban hành khi có căn cứ để thực hiện việc rà soát. Qua đó, tham mưu cơ quan có thẩm quyền xử lý kết quả rà soát theo đúng quy định.

Các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp trong việc thực hiện rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn khi có yêu cầu của Bộ, ngành Trung ương.

Trên cơ sở kết quả rà soát của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổng hợp, lập và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo đúng quy định.

b) Đối với cấp huyện

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo việc rà soát thường xuyên, rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành và rà soát theo yêu cầu của cấp trên.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phối hợp với Phòng Tư pháp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố danh mục văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực và đăng tải trên Trang thông tin điện tử (nếu có).

c) Đối với cấp xã

Căn cứ tình hình thực tiễn ở địa phương để lựa chọn việc rà soát văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong từng giai

đoạn phù hợp với khả năng, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát văn bản đạt chất lượng, hiệu quả.

3. Công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh xây dựng Quyết định công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2014-2018 và Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2014-2018.

Thời gian thực hiện: Trong quý 1/2019.

4. Triển khai thực hiện Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

a) Tổ chức cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và kiểm tra kết quả cập nhật văn bản trên CSDLQG về pháp luật.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác văn bản QPPL (Nghị quyết, Quyết định) cho Sở Tư pháp để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (Bản giấy và bản điện tử) theo thời hạn quy định tại Điều 16 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP.

- Riêng việc cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã sẽ được thực hiện khi có hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

b) Thực hiện liên kết cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp.

c) Chế độ báo cáo: Định kỳ tháng 12 hàng năm Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình hình cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật gửi Bộ Tư pháp.

III. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Sở Tư pháp

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tự kiểm tra và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền đúng quy định.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát văn bản QPPL của tỉnh ban hành đảm bảo chính xác và kịp thời.

- Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản; giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch, định kỳ tổng hợp, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp theo quy định.

- Phối hợp với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

b) Sở, ban ngành tỉnh

- Chủ động thực hiện rà soát các văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành do đơn vị được giao chủ trì xây dựng hoặc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị và tham mưu xử lý kết quả rà soát theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách, đảm bảo nội dung và tiến độ khi cấp trên yêu cầu.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong việc thực hiện nhiệm vụ tự kiểm tra, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Đồng thời, có trách nhiệm cử công chức pháp chế phối hợp với Sở Tư pháp tham gia Đoàn kiểm tra công tác văn bản khi có yêu cầu.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện có hiệu quả công tác tự kiểm tra, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của địa phương.

- Khi nhận được yêu cầu xử lý văn bản trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản phải tham mưu chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn xử lý kịp thời theo đúng quy định tại Điều 125, Điều 131 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật ở cấp nào do ngân sách cấp đó giải quyết. Cơ quan Tư pháp dự trù kinh phí trên cơ sở hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 08 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Kinh phí phục vụ công tác cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

3. Chế độ báo cáo

- Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

- Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật: UBND cấp huyện báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp). Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 135 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

- Báo cáo công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp). Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. Các danh mục kèm theo báo cáo thực hiện theo Mẫu số 03, 04, 05, 06 phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 năm 5 ngày 2016 của Chính phủ.

- Thời điểm lấy số liệu báo cáo hàng năm về công tác kiểm tra, rà soát văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê.

- Về mẫu báo cáo thống kê: Thực hiện theo quy định Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016 của Bộ Tư pháp./.

Nơi nhận: *ly*

- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP: Long, Nhung;
- Lưu: VT.

NC-THONG

60



Trần Văn Chiến

